

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----☆☆☆-----

Bản án số: 138/2022/HSPT

Ngày: 21/3/2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 561/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Quách Thị Lệ Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2021/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

Quách Thị Lệ Q, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Số 26 ngõ 1142 Đê La T, phường Ngọc K, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không (tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai là giáo viên tiếng Anh); con ông Quách Anh T và bà Đặng Thị T1; có chồng là Nguyễn Mạnh T2 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 04/7/2019 tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư Đặng Thị Vân T3 - Văn phòng luật sư Kết N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

- Chị Lê Thị H và anh Đào Văn T4; trú tại: Thôn Đ, xã Tầm X, huyện Đông A, thành phố Hà Nội; chị H vắng mặt, ủy quyền cho anh Đào Văn T4 (là chồng chị H và cũng là người trực tiếp mua xe của C) tham gia phiên tòa. Anh T4 có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H: Luật sư Bùi Minh Đ - Công ty Luật TNHH S; có mặt.

- Anh Lê Mai M, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 08, ngách 451/1 phường Gia T, quận Long B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại: Chị Nguyễn Thị N, anh Lê Bá L, anh Nguyễn Huy T5, anh Đỗ Trọng N1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Huy T5, anh Nguyễn Tuấn A, anh Ngô Đắc Q1, anh Trần Văn P, anh Nguyễn Đức Minh N2; Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Hùng Q, Công ty TNHH Sài Gòn Hòa P, anh Nguyễn Thanh Q2, anh Lê Bá L không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Lê Bá L tố cáo vợ chồng Quách Thị Lệ Q và Nguyễn Mạnh T2 có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt 08 xe ô tô gồm: BKS 30A - 881.94; BKS 30E - 637.13; BKS 36N - 1955; BKS: 30E - 60Z06; BKS 30E - 063.22; BKS 30N - 6862; BKS 29A - 719.30, BKS-30E - 311.25 và nộp cho Cơ quan điều tra: 03 “Hợp đồng thuê xe” đề các ngày 22/11/2016, 25/11/2016, 28/11/2016 do Quách Thị Lệ Q ký; 02 Giấy nhận xe do Nguyễn Mạnh T2 viết, ký.

Tháng 11/2016, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Quách Thị Lệ Q và Nguyễn Mạnh T2 (là chồng Q) đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái với lý do để kinh doanh cho thuê lại, sau đó đem cầm cố lấy tiền để chi tiêu cá nhân.

Thực hiện ý định trên, Q đã nói với chị Nguyễn Thị N (HKTT: Phòng 1801, tòa nhà CT1, Khu đô thị Văn K, phường La K, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội) là Q làm Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và dịch vụ thương mại Khánh H (đăng ký kinh doanh có chức năng cho thuê xe ô tô tự lái), nếu chị N hoặc bạn chị N có xe ô tô không có nhu cầu sử dụng thì cho Q thuê để Q cho thuê lại. Tin tưởng Q nên trong khoảng thời gian từ ngày 22/11/2016 đến ngày 16/12/2016, vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Lê Bá L đã cho Q và T2 thuê 07 xe ô tô, anh Đỗ Trọng N1 là bạn chị N cho Q thuê 1 xe ô tô. Sau đó, Q và T2 đã đem cầm cố các xe ô tô trên rồi bỏ trốn để chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu HONDA CR-V BKS: 30E - 063.22, trị giá 820.000.000 đồng.

Ngày 07/12/2016, anh Nguyễn Huy T5 cho chị N thuê xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV BKS: 30E-063.22, thời hạn thuê 10 ngày với giá là 1.200.000đ/ngày, anh T5 giao cho chị N chìa khóa xe, bản gốc: Đăng ký xe và sổ đăng kiểm, việc thuê và giao nhận xe chỉ thỏa thuận miệng (nguồn gốc xe ô tô trên anh T5 mua lại của anh Hoàng Văn P1, sinh năm 1989, trú tại: Xã Lai Thượng Thạch T, Hà Nội, việc mua bán không làm giấy tờ và anh T5 chưa làm thủ tục sang tên). Do trước đó chị N đã thỏa thuận cho Q thuê lại xe ô tô thuê

của anh T5 nên chị N đã hẹn Q đến quán cafe gần Công ty của anh T5 để bàn giao xe. Sau khi nhận xe, Q đã giao xe cùng các giấy tờ xe trên cho T2.

T2 đã nhờ anh Nguyễn Huy Q2 mang chiếc xe ô tô trên đi cầm cố cho một người tên là H1, trú tại: Thạch C, Long B, Hà Nội lấy số tiền 345.000.000đ (hiện chưa xác định được H1..), Q2 đã đưa số tiền này lại cho T2.

Hết thời hạn thuê xe chị N đã tìm gặp Q, T2 để đòi xe. Ngày 29/12/2016 chị N đã tìm gặp được T2, T2 thừa nhận việc thuê xe của chị N và viết Giấy nhận có thuê xe cam kết trả xe vào ngày 01/1/2017. Sau đó T2, Q bỏ trốn, không trả lại cho chị N xe ô tô trên.

Do vợ chồng Q, T2 không trả xe, thông qua anh Lương Đức L1, sinh năm 1983, trú tại: Số 8D/189 Nguyễn Văn C, phường Ngọc L, Long B, thành phố Hà Nội, anh L đã chuộc lại chiếc xe ô tô trên từ anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1970, HKTT: Tổ 8 Lê M, phường Việt H, Long B, Hà Nội với giá là 345.000.000đ để trả xe cho anh T5. Quá trình điều tra vợ chồng chị Nguyễn Thị N yêu cầu vợ chồng Q phải trả lại vợ chồng chị số tiền 345.000.000đ.

Sau đó, anh T5 đã bán xe ô tô trên cho anh Trần Văn H2, sinh năm 1976, trú tại: Xã Giao H, huyện Giao T, tỉnh Nam Định với giá 760.000.000 đồng. Hiện anh H2 đang quản lý và sử dụng xe ô tô trên.

Tại bản Kết luận giám định số 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh T2 trên Giấy nhận xe do chị N giao nộp là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định tài sản số 262 ngày 23/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng quận Hoàn K, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu HONDA, CRV BKS 30E - 063.22 trị giá 820.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra: Bị cáo Quách Thị Lê Q khai nhận hành vi trên và khai khi T2 đi cầm cố xe T2 về có nói nhờ đối tượng Q2 đi cầm cố hộ được 100.000.000đ, số tiền này T2 đã sử dụng hết, không chia cho Q.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu HONDA CIVIC, BKS: 30N - 6862, trị giá 370.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2016, anh Nguyễn Huy T5 cho chị Nguyễn Thị N thuê xe ô tô HONDA CIVIC, BKS: 30N - 6862 với giá là 700.000đ/ngày, thời hạn thuê 10 ngày, anh T5 giao xe ô tô cùng đăng ký xe, sổ đăng kiểm bản gốc cho chị N, việc thuê xe không ký kết hợp đồng (anh T5 khai, mua chiếc xe ô tô trên của anh Phạm Hùng C1 với giá 400.000.000đ nhưng chưa làm thủ tục sang tên, hồ sơ xe gồm: Giấy bán xe, đăng ký xe và sổ đăng kiểm bản gốc, Hóa đơn GTGT số 0088125 ngày 23/5/2016 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Tiến V xuất bán xe ô tô cho anh C1). Ngay sau khi nhận xe, chị N cho Q thuê lại với giá là 700.000đ/ngày, thời hạn thuê 10 ngày và đã giao xe ô tô cùng đăng ký xe, sổ đăng kiểm bản gốc cho Q. Sau đó, Q đã giao xe ô tô cùng giấy tờ xe cho T2 và T2 tiếp tục nhờ anh Q2 đem xe ô tô đi cầm cố cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1970, ở tổ 8 Lê M, Việt H, Long B, Hà Nội lấy số tiền 200.000.000đ,

anh Q2 đã giao lại số tiền này cho T2. Hết thời hạn thuê xe, chị N đã tìm gặp Q, T2 để đòi xe.

Ngày 29/12/2016 chị N đã tìm gặp được T2, T2 thừa nhận việc thuê xe của chị N và viết Giấy nhận thuê xe của chị N cam kết sẽ trả xe vào ngày 01/01/2017. Sau đó T2, Q2 bỏ trốn, không trả lại xe ô tô trên cho chị N.

Hết thời hạn cầm cố, không thấy anh Q2 đến trả tiền để chuộc xe ô tô, anh Tuấn A đã liên lạc nhiều lần để đòi tiền nhưng Q2 khất lần, không trả.

Khoảng tháng 12/2017, thông qua anh Hoàng Tiến M1, anh Tuấn A đã bán xe ô tô trên cho anh Ngô Đắc Q1 với giá là 205.000.000đ. Do không có nhu cầu sử dụng đến tháng 5/2018, anh Q1 bán cho anh Trần Văn P với giá 247.000.000đ. Khoảng tháng 7/2018, anh P lại bán xe ô tô trên cho anh Lê Mai M, trú tại số 8 ngách 451/1, phường Gia T, quận Long B, thành phố Hà Nội với giá 295.000.000đ, việc mua bán trên đều không lập hợp đồng mua bán.

Sau đó anh M thoả thuận bán xe ô tô cho Nguyễn Văn C với giá 346.000.000đ, kèm theo xe ô tô là đăng ký xe và đăng kiểm xe ô tô bản gốc.

Thông qua anh Nguyễn Thế A1, trú tại: Tổ 27, phường Ngọc L, Long B, Hà Nội, C lại thoả thuận đã bán lại xe ô tô trên cho anh Đào Văn T4 với giá là 392.000.000đ (Cảnh nhận tiền và đã trả cho anh M là 346.000.000đ, trả tiền môi giới cho anh Thế A1 20.000.000đ, C được hưởng 26.000.000đ). Khi mua bán chỉ có đăng ký xe ô tô mang tên Công ty Tiến V và giấy đăng kiểm xe đều là gốc, hai bên thoả thuận C phải làm thủ tục sang tên cho chị Lê Thị H là vợ anh T4. Sau đó, thông qua quan hệ xã hội C biết một người đàn ông tên là C2 (hiện không xác định được C2 là ai ở đâu) ở phố Sơn T, Ba Đ, Hà Nội có khả năng làm thủ tục sang tên xe ô tô, nên C tìm gặp C2 và đưa cho C2 bản phô tô đăng ký, đăng kiểm của xe ô tô và chứng minh nhân dân của chị Lê Thị H để thuê làm thủ tục sang tên cho chị H với giá 5.000.000đ.

Khoảng 1 tuần sau C2 đã đưa cho C 02 hóa đơn GTGT và nói sử dụng 02 hoá đơn này là đăng ký sang tên xe ô tô được cho chị H, trong đó: 01 GTGT số 0041519 ngày 25/11/2016, có nội dung: Công ty CP ĐTXD và thương mại Tiến V, ở xóm 7 Cổ N, Từ L, Hà Nội, MST: 0103606590 bán xe ô tô BKS: 30N-6862, SM: R18A13952591, SK RLHFD16239Y802599 cho Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hoàng H với giá 93.500.000 đồng và 01 Hóa đơn GTGT số 0000499 ngày 24/7/2018 có nội dung: Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hoàng H bán xe ô tô BKS: 30N - 6862 cho chị Lê Thị H với giá 112.200.000 đồng (tổng số tiền ghi trên 02 hoá đơn trên là 205.700.000 đồng). C biết 02 hóa đơn GTGT nêu trên là giả, nhưng C vẫn sử dụng 02 hoá đơn giả này để cùng anh T4, chị H nộp thuế trước bạ và nộp hồ sơ cho Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội để làm thủ tục đăng ký sang tên xe ô tô cho chị H. Phòng Cảnh sát giao thông đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho chị Lê Thị H số 488448 ngày 22/8/2018, BKS: 30F-321.82. Ngày 04/10/2018, chị H đã nộp xe ô tô, đăng ký và đăng kiểm (số KC 3438336 ngày 30/10/2017) xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra, xác minh.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Thế A1 đã tự nguyện nộp lại số tiền 20.000.000đ; anh Lê Mai M nộp lại số tiền 51.000.000đ, anh Ngô Đắc Q1 nộp lại số tiền 42.000.000đ, anh Trần Văn P nộp lại số tiền 48.000.000đ, là tiền chênh lệch từ việc bán xe ô tô trên và đề nghị trả số tiền này cho người mua xe ô tô sau cùng, nên ngày 04/6/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý trao trả số tiền 161.000.000đ cho anh T4 và chị H.

Tại bản Kết luận giám định số: 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh T2 trên Giấy nhận xe do chị N giao nộp là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định tài sản số 262 ngày 23/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận Hoàn K, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu HONDA, CIVIC BKS 30F- 321.82 (trước là xe ô tô BKS 30N-6862) trị giá 370.000.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 3675/KLGD-PC09 (Đ4) ngày 12/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

- Hình dấu tròn: “Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Tiến V” trên Hóa đơn GTGT số 0041519 so với mẫu so sánh không phải hình dấu tròn của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Tiến V đóng ra.

- Hình dấu tròn: “Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hoàng H” trên Hóa đơn GTGT số 0000499 có trong hồ sơ đăng ký xe nêu trên với hình dấu tròn: “Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hoàng H” hiện đang lưu tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an thành phố Hà Nội là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ viết dòng họ tên Lê Thị H trên Hóa đơn GTGT số 0000499 có trong hồ sơ đăng ký xe nêu trên là do Nguyễn Văn C viết ra.

Cơ quan điều tra xác minh Công ty TNHH TMDV Hoàng H được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 19/5/2015, đăng ký thay đổi lần I ngày 24/5/2015; Chi cục thuế quận Hà Đông thông báo Công ty trên không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký nhưng không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký thuế, chủ sở hữu doanh nghiệp là Mai Ánh T6, sinh năm 1994, HKTT và nơi ở: Khu phố Bình P, phường Bình C, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương. Chị T6 khai chị bị mất Chứng minh nhân dân và chưa làm lại. Chị không biết gì về Công ty Hoàng H và không biết ai tên là Lê Thị H.

Kết quả xác minh nguồn gốc xe ô tô BKS: 30N - 6862: Cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh Phạm Hùng C1 trên Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày.....(không có ngày) tháng 7 năm 2016 và giám định con dấu, chữ ký của anh Nguyễn Tiến V trên Hóa đơn GTGT số 0088125 ngày 23/5/2016 do anh T5 giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 05/10/2018 (BL570-572).

- Bản kết luận giám định số 3675/KLGD-PC09(Đ4) ngày 12/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: Chữ ký, chữ viết

đứng tên Phạm Hùng C1 trên Giấy bán xe do anh Nguyễn Huy T5 giao nộp không phải do Phạm Hùng C1 ký và viết ra.

Bản kết luận giám định số 856/KLGD-PC09 (Đ4) ngày 29/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

- Hình dấu tròn: “Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại TVS - 3” trên Hóa đơn GTGT số 0088125 ngày 23/5/2016 là con dấu của Công ty Tiến V và Chữ ký, chữ viết đứng tên ông Nguyễn Tiến V trên Hóa đơn GTGT do anh Nguyễn Huy T5 giao nộp là do ông Nguyễn Tiến V ký và viết ra.

- Chữ viết, chữ ký của anh Phạm Hùng C1 trên Hợp đồng mua bán xe ô tô không phải là chữ viết, chữ ký của anh C1 và hiện chưa xác định được anh C1 ở đâu để ghi lời khai làm rõ việc bán xe ô tô cho anh T5. Cơ quan điều tra có Công Văn số 5725/PC01-Đ4 ngày 29/10/2020 đề nghị Ban biên tập Báo Công an nhân dân, Báo An ninh thủ đô, Báo Hà Nội mới đăng liên tục trong 3 số báo để ai là chủ sở hữu hợp pháp xe ô tô trên đến liên hệ với Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội để giải quyết nhưng cũng chưa có ai đến nhận nên Cơ quan điều tra chưa trả xe ô tô cho anh Nguyễn Huy T5.

Quá trình điều tra: Bị cáo Quách Thị Lệ Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và khai: T2 nói nhờ đối tượng tên Q2 cầm cố hộ xe ô tô trên lấy 90.000.000đ và T2 đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Anh Đào Văn T4 và vợ là Lê Thị H yêu cầu C trả lại số tiền 231.000.000đ còn thiếu.

Đối với Nguyễn Văn C khai: C biết 02 Hóa đơn GTGT nêu trên là giả, vì theo số tiền ghi trên 02 hoá đơn thì C phải trả cho C2 ít nhất là 20.570.000 đồng nhưng thực tế C chỉ phải trả cho C2 5.000.000 đồng. C là người mua xe ô tô của anh M bán cho chị H chứ Công ty Tiến V không bán xe ô tô cho Công ty Hoàng H và Công ty Hoàng H không bán xe ô tô cho chị H và C còn là người ký giả chữ ký của chị Lê Thị H vào hoá đơn. Nhưng C vẫn sử dụng 02 hoá đơn giả này để làm thủ tục đăng ký sang tên cho chị H. Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội đã cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô cho chị Lê Thị H số 488448 ngày 22/8/2018, BKS 30F - 321.82.

Nguyễn Văn C tin tưởng anh Lê Mai M bán xe ô tô BKS: 30N- 6862 kèm theo đăng ký, đăng kiểm xe ô tô đều là bản chính cho C là xe ô tô của anh M mua nhưng không làm thủ tục sang tên. C không có ý định chiếm đoạt tài sản khi bán xe ô tô và nhờ người khác làm 2 hóa đơn GTGT sau khi đã giao dịch mua bán với anh Đào Văn T4. Vì vậy, bị cáo C không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng tên C2 là người được Nguyễn Văn C thuê làm giả 02 Hóa đơn giá trị gia tăng: Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng tên là C2 là ai, ở đâu để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Mai M mua chiếc xe ô tô BKS: 30N - 6862 của anh Trần Văn P, nhưng không làm thủ tục sang tên. Sau đó, anh M thoả thuận bán chiếc xe ô tô trên cho Nguyễn Văn C với giá 346.000.000đ và giao cho Cảnh bản chính đăng ký, đăng kiểm xe ô tô. Anh M không biết việc C bán xe ô tô BKS: 30N -

6862 cho anh Đào Văn T4 với giá 392.000.000 đồng và làm giả 02 Hoá đơn GTGT: Số 0041519 ngày 25/11/2010 và số 0000499 ngày 24/7/2018 để làm thủ tục đăng ký sang tên xe ô tô cho chị Lê Thị H là vợ anh T4. Vì vậy, anh Lê Mai M không đồng phạm với Nguyễn Văn C về tội: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã có Công văn số 5733/PC01-DD4 ngày 29/10/2020 đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe và BKS của ô tô 30F - 331.82.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES C200, BKS: 29A - 719.30, trị giá 420.000.000đ.

Khoảng cuối năm 2016, anh Nguyễn Huy T5 mua của chị Đàm Thị T7, trú tại: PB2107 tập thể Bộ tổng tham mưu Bộ Quốc phòng, phường Mỹ Đ, Nam Từ L, Hà Nội xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES C200, BKS: 29A - 719.30, nhưng không ký hợp đồng mua bán và chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

Ngày 16/12/2016, anh T5 cho chị N thuê xe ô tô trên trong thời hạn 02 ngày, với giá 1.500.000đ/ngày và đã giao cho chị N xe ô tô, bản photocopy đăng ký xe và Sổ đăng kiểm bản gốc, việc thuê xe không có hợp đồng. Sau khi thuê chị N đã thỏa thuận cho Quách Thị Lê Q thuê lại xe ô tô trong thời gian 02 ngày, với giá 1.500.000đ/ngày. Cùng ngày T2, Q đi taxi đến nhà chị N, chị N giao cho Q xe ô tô và giấy tờ xe ô tô trên cho Q, việc thuê xe không lập hợp đồng. Sau đó, Q giao cho T2 để đi cầm cố lấy tiền. Hết thời hạn thuê xe chị N đã tìm gặp Q, T2 để đòi xe. Ngày 29/12/2016 chị N đã tìm gặp được T2, T2 thừa nhận việc thuê xe của chị N và viết Giấy xác nhận cam kết sẽ trả xe vào ngày 01/01/2017. Sau đó T2, Q bỏ trốn, không trả lại xe ô tô trên cho chị N.

Tại Bản kết luận giám định số: 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh T2 trên Giấy nhận xe do chị N giao nộp là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 264 ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàn K kết luận: Chiếc xe ô tô trên trị giá: 420.000.000đ tại thời điểm ngày 28/11/2016.

Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm tang vật đối với xe ô tô trên nhưng đến nay chưa phát hiện và thu giữ được.

Tại Cơ quan điều tra: Quách Thị Lê Q khai nhận hành vi phạm tội và khai: Sau khi thuê xe ô tô BKS: 29A - 719.30, T2 đã mang xe ô tô và giấy tờ xe để nhờ đối tượng tên là Q2 cầm cố lấy số tiền 90.000.000đ.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Huy T2 đề nghị xử lý Nguyễn Mạnh T2, Quách Thị Lê Q theo quy định của pháp luật và thu giữ xe ô tô trên trả cho anh T5.

Nguyễn Huy Q2 khai T2 không nhờ Q2 cầm cố hộ xe ô tô trên.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA, BKS: 30A - 881.94, trị giá 617.520.000 đồng:

Anh Nguyễn Đức Minh N2 là chủ sở hữu xe ô tô SUZUKI ERTIGA, BKS: 30A - 881.94. Khoảng tháng 11/2016, anh Lê Bá L nói với anh N2 về việc anh L muốn thuê xe ô tô của N2 để cho bạn là Quách Thị Lệ Q thuê lại.

Tin tưởng anh L là đồng nghiệp, anh N2 đồng ý. Ngày 22/11/2016, anh L và Quách Thị Lệ Q gặp anh N2 trao đổi việc thuê xe ô tô, anh N2 và anh L ký hợp đồng thuê xe ô tô, nội dung: Anh N2 cho anh L thuê xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA, BKS 30A-881.94 với giá: 12.000.000đ/tháng, thời gian thuê 01 tháng, kể từ ngày 22/11/2016 đến ngày 22/12/2016. Anh N2 giao cho anh L xe ô tô, chìa khóa xe, giấy tờ xe gồm bản photocopy công chứng đăng ký xe, sổ đăng kiểm, bảo hiểm xe. Cùng ngày, anh L và Q ký hợp đồng thuê xe ô tô số 04/2016, có nội dung: Anh L cho Q thuê xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA, BKS 30A-881.94 trong thời gian 01 tháng với giá 12.000.000đ, kể từ ngày 22/1/2016 đến ngày 22/12/2016. Giao giấy tờ liên quan gồm: Giấy đăng ký xe bản phô tô công chứng của Ngân hàng, giấy kiểm định bản gốc, giấy bảo hiểm xe. Sau khi ký hợp đồng thuê xe, Q giao cho anh L 12.000.000đ và anh L đã giao số tiền này cho anh N2. Hết thời hạn thuê xe vợ chồng anh L đã tìm gặp Q, T2 để đòi xe.

Ngày 29/12/2016 tại nhà T2, T2 thừa nhận việc thuê xe của anh L và viết giấy nhận xe có thuê xe của chị N và cam kết sẽ trả xe vào ngày 01/01/2017. Sau đó T2, Q bỏ trốn, không trả lại xe ô tô trên cho chị N.

Đầu năm 2018, thông qua số điện thoại 01666755555 của đối tượng tên "H1" do anh L cung cấp, anh N2 đã tự liên hệ với "H1" và được biết xe ô tô trên của anh N2 đã bị một đối tượng tên Q2 cầm cố cho H1 lấy 300.000.000đ, anh N2 đặt vấn đề muốn chuộc lại xe ô tô trên, H1 đồng ý với giá là 250.000.000đ. Trong số tiền 250.000.000đ anh N2 dùng để chuộc xe do anh L giao cho anh N2 120.000.000đ, anh N2 bỏ ra 130.000.000đ. Sau khi chuộc xe về, anh N2 đã tự nguyện mang xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Bản kết luận giám định số: 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Quách Thị Lệ Q trên Hợp đồng thuê xe đề ngày 22/11/2016 do anh L giao nộp là do Q ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh T2 trên Giấy nhận xe do chị N giao nộp là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Bản kết luận giám định số 1945 ngày 22/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận: Số khung, số máy xe ô tô trên là số nguyên thủy.

Bản kết luận định giá tài sản số 40/ĐGTS ngày 01/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đống Đ, kết luận: Xe ô tô trên trị giá 617.520.000đ.

Xác minh tại Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, kết quả: Chủ sở hữu số thuê bao 0166.6755555 là Trần Thị H1, sinh năm 1968, HKTT: Tổ 1 Thạch C, phường Long B, quận Long B, thành phố Hà Nội.

Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng Trần Thị H1 nhưng chưa xác định được H1 đang làm gì, ở đâu.

Tại Cơ quan điều tra: Quách Thị Lệ Q khai hành vi phạm tội. Anh Nguyễn Đức Minh N2 và anh Lê Bá L1 khai nội dung như đã nêu trên và đề nghị xử lý Q, T2 theo quy định của pháp luật, buộc phải trả lại số tiền 130.000.000đ cho anh N2 và 120.000.000đ cho anh L.

- Nguyễn Huy Q2 khai T2 không nhờ Q2 mang đi cầm cố hộ xe ô tô.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO BKS: 30E - 637.13) trị giá 520.000.000 đồng.

Anh Đỗ Trọng N1 là chủ sở hữu hợp pháp xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO, BKS 30E - 637.13. Khoảng tháng 11/2016, chị Nguyễn Thị N nói với anh N1 việc Quách Thị Lệ Q muốn thuê xe ô tô để làm phương tiện đi lại nếu xe ô tô không đi thì cho Q thuê, anh N1 đồng ý. Ngày 28/11/2016, tại nhà chị N, anh N1 và Q thỏa thuận, ký hợp đồng thuê xe ô tô số 05/2016, có nội dung: Anh N1 cho Q thuê xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO, BKS 30E - 637.13, thời gian thuê xe 01 tháng kể từ ngày 28/11/2016 đến ngày 28/12/2016, giá thuê 13.000.000đ, giao giấy tờ xe gồm: Giấy đăng ký xe ô tô bản gốc, giấy kiểm định bản gốc, giấy bảo hiểm xe, có chị Nguyễn Thị N chứng kiến. Sau khi thuê xe, Q giao cho anh N1 tiền thuê xe là 13.000.000đ. Sau đó, Q giao xe ô tô cùng giấy tờ xe cho T2 để cầm cố. Hết thời hạn thuê, anh N1 đã nhiều lần yêu cầu Q trả xe nhưng Q không trả mà bỏ trốn. Anh N1 và chị N đề nghị xử lý Quách Thị Lệ Q theo quy định của pháp luật và yêu cầu Q phải trả xe ô tô BKS 30E - 637.13 cho anh N1.

Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với xe ô tô trên, tại giai đoạn điều tra không thu giữ được xe ô tô. Tại phiên tòa sơ thẩm anh N1 trình bày trước khi xét xử đã chuộc lại xe, đề nghị bị cáo Q trả tiền anh đã chuộc xe là 150.000.000đ.

Bản kết luận giám định số 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Quách Thị Lệ Q trên Hợp đồng thuê xe đề ngày 28/11/2016 so với mẫu so sánh là của cùng một người ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản số 263 ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàn K kết luận: Chiếc xe ô tô trên trị giá: 520.000.000đ tại thời điểm ngày 28/11/2016.

Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với xe ô tô trên, tại giai đoạn điều tra không thu giữ được xe ô tô.

Tại Cơ quan điều tra: Quách Thị Lệ Q khai nhận hành vi phạm tội và khai sau khi thuê xe ô tô, Q giao cho T2 đi cầm cố được 90.000.000đ, số tiền này T2 đã sử dụng chi tiêu hết.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I30, BKS: 36N - 1955, trị giá 410.000.000đ

Ông Lê Bá N3 (Bố anh L) là chủ sở hữu hợp pháp xe ô tô HUYNDAI I30, BKS 36N - 1955. Ông N3 cho anh L, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

Ngày 25/11/2016, anh Lê Bá L ký Hợp đồng cho Quách Thị Lệ Q thuê xe ô tô số 06/2016, nội dung: Anh L cho Q thuê xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I30, BKS 36N - 1955, thời gian thuê xe 01 tháng, từ ngày 25/11/2016 đến ngày 25/12/2016, giá thuê 12.000.000đ, giấy tờ xe gồm: Giấy đăng ký xe ô tô bản gốc, giấy kiểm định bản gốc, giấy bảo hiểm xe. Sau khi nhận xe, Q giao xe ô tô cho T2 để đi cầm cố. Hết thời hạn thuê xe, anh L yêu cầu trả xe nhưng Q không trả mà bỏ trốn. Đến ngày 29/12/2016, vợ chồng chị N gặp T2, T2 thừa nhận có thuê của vợ chồng chị N, anh L xe ô tô trên và viết giấy nhận xe không đề ngày, có nội dung: T2 có thuê của chị N xe ô tô HUYNDAI I30, BKS 36N - 1955 nay đến hạn chưa trả được xe, cam kết sẽ trả xe vào ngày 01/01/2017. Sau đó T2, Q không trả xe ô tô cho anh L mà bỏ trốn.

Bản kết luận giám định số 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Quách Thị Lệ Q trên Hợp đồng thuê xe đề ngày 25/11/2016 so với mẫu so sánh do Quách Thị Lệ Q ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh T2 trên Giấy nhận xe so với mẫu so sánh là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản số 265 ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàn K, kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I30, BKS 36N - 1955 trị giá: 410.000.000đ tại thời điểm ngày 25/11/2016.

Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm đối với xe ô tô trên nhưng đến nay chưa phát hiện và thu giữ được.

Tại Cơ quan điều tra: Quách Thị Lệ Q khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI I30, BKS 36N - 1955 T2 nhờ Q2 đi cầm cố được 90.000.000đ. Số tiền này T2 đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Anh Lê Bá L đề nghị xử lý T2, Q theo quy định của pháp luật và buộc trả lại xe ô tô trên cho anh L.

Nguyễn Huy Q2 khẳng định T2 không nhờ Q2 mang đi cầm cố hộ xe ô tô trên.

7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu ECOSPORT, BKS: 30E - 311.25, trị giá 520.000.000đ.

Ngày 12/11/2016, Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hùng Q (Công ty Hùng Q) đại diện Nguyễn Thanh Q3 - Giám đốc ký Hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu ECOSPORT, BKS: 30E - 311.25 chủ sở hữu là của Công ty TNHH Sài Gòn Hòa P đại diện Nguyễn Văn H3 - Giám đốc, trong thời hạn từ ngày 12/11/2016 đến 11/02/2017, với giá 10.000.000đ. Thông qua anh Nguyễn Huy T5, chị N quen và có hỏi anh Q3 việc muốn thuê xe ô tô của anh Q3 để cho bạn là Quách Thị Lệ Q thuê lại, tin tưởng chị N là nhân viên Công ty của anh T5 nên anh Q3 đồng ý. Ngày 02/12/2016, anh Q3 thỏa thuận miệng cho chị N thuê xe ô tô nhãn hiệu ECOSPORT, BKS: 30E - 311.25 trong thời gian 1 tháng, giá thuê xe 13.000.000đ/tháng. Sau đó, anh Q3 giao xe ô tô; đăng ký xe bản photocopy,

sổ đăng kiểm bản gốc cho chị N. Sau khi nhận xe, chị N thỏa thuận cho Q thuê lại trong thời gian 01 tháng, giá thuê xe 13.000.000đ/tháng, giao cùng sổ đăng kiểm bản gốc, bản photocopy giấy đăng ký, không lập hợp đồng thuê xe. Hết thời hạn thuê, không thấy Q trả xe, chị N liên lạc và tìm đến nhà Q để đòi xe thì không gặp Q mà gặp Nguyễn Mạnh T2, T2 thừa nhận vợ chồng T2, Q có thuê xe ô tô trên của chị N và T2 viết giấy nhận xe với nội dung: T2 có thuê của chị N xe ô tô ECOSPORT, BKS: 30E - 31125 nay đến hạn chưa trả được xe, cam kết sẽ trả xe vào ngày 01/01/2017. Sau đó T2, Q đã bỏ trốn để chiếm đoạt xe ô tô trên.

Bản kết luận giám định số 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên giấy nhận xe do chị N giao nộp là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản số 266 ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàn Kiếm, kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu ECOSPORT, BKS: 30E - 31125 trị giá 520.000.000đ tại thời điểm ngày 02/12/2016.

Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với xe ô tô, nhưng đến nay vẫn chưa phát hiện thu giữ được.

Tại Cơ quan điều tra: Quách Thị Lệ Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai: Sau khi thuê xe ô tô trên, Q giao xe và chìa khóa xe cho T2 và T2 đã nhờ Q3 cầm cố được 90.000.000đ, số tiền này T2 đã sử dụng chi tiêu hết.

Anh Nguyễn Thanh Q3 và chị Nguyễn Thị N đề nghị xử lý Q, T2 theo quy định của pháp luật, thu hồi xe ô tô trả lại cho anh H3.

Tại Cơ quan điều tra: Anh Nguyễn Văn H3 Công ty TNHH Sài Gòn Hòa P đề nghị Cơ quan điều tra thu hồi xe ô tô trên trả cho anh, buộc anh Q3 phải trả tiền thuê xe ô tô trên cho anh theo hợp đồng đã ký kết.

Năm 2020, Công ty TNHH Sài Gòn Hòa P khởi kiện Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hùng Q. Tại Bản án số 40/2020/KDTM-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã quyết định buộc Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hùng Q trả Công ty TNHH Sài Gòn Hòa P trị giá xe ô tô ECOSPORT, BKS: 30E - 31125 là 580.000.000đ

8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, BKS 30E - 607.06, trị giá 450.000.000đ.

Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Hùng Q (Nguyễn Thanh Q3 là giám đốc) là chủ sở hữu xe MERCEDES, BKS 30E - 607.06. Ngày 11/12/2016, ông Q3 tiếp tục thỏa thuận cho chị Nguyễn Thị N thuê xe ô tô biển kiểm soát nói trên, trong thời gian 10 ngày, giá thuê 1.200.000đ/ngày, anh Q3 giao xe ô tô, đăng ký xe bản photocopy, sổ đăng kiểm bản gốc cho chị N (không ký hợp đồng thuê xe). Cùng ngày, chị N thỏa thuận cho Quách Thị Lệ Q thuê lại xe ô tô trên trong thời gian 10 ngày, với giá 1.200.000đ/ngày, sau đó Q và T2 đi taxi đến nhà chị N để nhận xe, chị N đã giao cho Q xe ô tô và giấy tờ xe. Sau khi nhận xe, Q giao xe ô tô cho T2 để đi cầm cố. Hết thời hạn thuê xe không thấy chị N trả xe,

anh Q3 liên lạc với chị N để đòi xe thì chị N trình bày vẫn cho bạn thuê và chưa đòi được xe để trả cho anh Q3. Nhiều lần đòi xe không được ngày 26/12/2016, chị N cùng T2 đến gặp anh Q3, T2 viết Giấy nhận xe để ngày 26/12/2016, nội dung: “Nguyễn Mạnh T2 là chồng của Quách Thị Lệ Q và Q có thuê của anh Nguyễn Thanh Q3 xe ô tô MERCEDES, BKS: 30E - 607.06 từ ngày 11/12/2016. Tôi và vợ tôi có hẹn anh Q3 đến ngày 26/12/2016 trả xe nhưng chưa trả được. Vậy tôi hẹn 05/01/2017 sẽ phải mang trả chiếc xe trên cho anh Q3”. Sau đó T2, Q bỏ trốn không trả lại xe ô tô trên cho anh Q3.

Bản kết luận giám định số 1912/C54-P5 ngày 22/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ viết, chữ ký trên giấy nhận xe do anh Nguyễn Thanh Q3 giao nộp so với mẫu so sánh là do Nguyễn Mạnh T2 ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản số 263 ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hoàn K, kết luận: Chiếc xe ô tô trên trị giá: 450.000.000đ tại thời điểm ngày 11/12/2016.

Tại Cơ quan điều tra: Quách Thị Lệ Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên: Sau khi thuê được xe ô tô, Q giao xe cho T2 để nhờ đối tượng Q3 cầm cố xe ô tô được 90.000.000đ, số tiền này T2 đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và bỏ trốn.

Anh Nguyễn Thanh Q3 và chị Nguyễn Thị N đề nghị xử lý Q, T2 theo quy định pháp luật và thu hồi xe ô tô trên trả cho anh Q3.

Đối với Nguyễn Mạnh T2: Hiện bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã nhưng đến nay chưa bắt giữ được. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án số 21, tạm đình chỉ điều tra bị can số 45 ngày 25/6/2020 đối với Nguyễn Mạnh T2 về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, khi nào bắt được T2 sẽ phục hồi điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với Nguyễn Huy Q2: Do hiện nay Nguyễn Mạnh T2 bỏ trốn nên chưa có căn cứ xác định Q2 có biết các xe ô tô T2 nhờ cầm cố là tài sản do phạm tội mà có hay không. Vì vậy, chưa đủ căn cứ kết luận Nguyễn Huy Q2 có phạm tội hay không nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến Nguyễn Huy Q2 để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Trần Thị H1: Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa xác định được H1 ở đâu nên không triệu tập được đến làm việc để đấu tranh làm rõ. Do vậy, chưa đủ căn cứ để kết luận Trần Thị H1 có hành vi vi phạm nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến Trần Thị H1 để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2021/HS-ST ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Quách Thị Lệ Q 15 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 3/5/2019.

Về nghĩa vụ hoàn trả: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự:

- Đối với xe HONDA CR-V BKS: 30E - 063.22: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho anh Lê Bá L (chồng chị N) 345.000.000đ (tiền chuộc xe từ anh Tuấn A)

- Đối với xe HONDA CIVIC BKS 30F-321.82 (trước là xe ô tô BKS 30N-6862): Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho anh Nguyễn Tuấn A 205.000.000đ, anh Nguyễn Tuấn A trả cho Ngô Đắc Q1 205.000.000đ; anh Ngô Đắc Q1 trả cho Trần Văn P 205.000.000đ; anh Trần Văn P trả cho Lê Mai M 205.000.000đ; anh Lê Mai M trả cho Nguyễn Văn C 205.000.000đ; Nguyễn Văn C trả cho vợ chồng Đào Văn T4 205.000.000đ.

Trả cho anh Đào Văn T4 số tiền 26.000.000đ đã nộp vào tài khoản tại cục Thi hành án thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số AA/2020/00623226 ngày 19/4/2021.

Trả lại xe xe HONDA CIVIC BKS 30F - 321.82 (trước là xe ô tô BKS 30N - 6862) cho anh Nguyễn Huy T5 (xe đang được gửi tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội theo Công văn số 702/CTHADS-KHTC ngày 08/12/2020 của Tổng cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội)

- Đối với xe MERCEDES BKS 29A - 719.30: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho chị Nguyễn Thị N 420.000.000đ, chị N trả cho anh Nguyễn Huy T5 420.000.000đ trị giá xe Mercedes BKS 29A-719.30.

- Đối với xe SUZUKI ERTIGA BKS: 30A - 881.94: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho anh Nguyễn Đức Minh N2 130.000.000đ và trả cho anh Lê Bá L 120.000.000đ tiền chuộc xe.

- Đối với xe KIA RIO 30E - 63713: Ghi nhận sự thỏa thuận bị cáo Quách Thị Lệ Q và anh Đỗ Trọng N1, bị cáo Q trả cho anh N1 150.000.000đ tiền chuộc xe KIA RIO 30E- 63713.

- Đối với xe HYUNDAI BKS 36N - 1955: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho anh Lê Bá L trị giá xe HYUNDAI BKS 36N - 1955 là 410.000.000đ.

- Đối với xe ECOSPORT BKS 30E - 31125: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho chị Nguyễn Thị N 520.0000.000 đồng trị giá xe ECOSPORT BKS 30E - 31125, chị N trả cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hùng Q (anh Nguyễn Thanh Q3 làm đại diện) 520.0000.000 đồng trị giá xe ECOSPORT BKS 30E - 31125.

Nghĩa vụ của ông Q3 với Công ty TNHH Sài Gòn Hòa P đã được giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại số 40/2020/KDTM ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đ, thành phố Hà Nội nên Tòa án không giải quyết.

- Đối với xe MERCEDES, BKS 30E - 607.06: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho chị Nguyễn Thị N 450.000.000đ chị N có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hùng Q (anh Nguyễn Thanh Q3 đại diện theo Pháp luật) 450.000.000đ (tiền trị giá xe MERCEDES, BKS 30E - 607.06).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C; về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/01/2021, bị cáo Quách Thị Lệ Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H có đơn kháng cáo cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Lê Mai M về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và đề nghị buộc Lê Mai M phải liên đới cùng bị cáo C bồi thường cho vợ chồng chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Quách Thị Lệ Q đã rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Anh Đào Văn T4 là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị H và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng anh C chỉ là người môi giới bán xe, anh T4 thỏa thuận giá mua bán, giao tiền cho anh C. Sau đó, anh C đã sử dụng tiền này để giao cho anh M. Lời khai của Nguyễn Văn C mâu thuẫn với hồ sơ đăng ký xe lưu tại Phòng cảnh sát giao thông về thời gian. Ngoài ra, C cũng có lời khai Lê Mai M đưa 02 hóa đơn cho C để cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Lê Mai M, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị H buộc Lê Mai M có trách nhiệm liên đới cùng C bồi thường cho vợ chồng chị H, anh T4.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như việc bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã kết luận: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Quách Thị Lệ Q rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Quách Thị Lệ Q.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H thấy: Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 265 Bộ luật Tố tụng hình sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi của mình. Do đó, yêu cầu xem xét bỏ lọt tội phạm và tăng hình phạt đối với bị cáo C không được chấp nhận xem xét. Đối với yêu cầu buộc Lê Mai M phải liên đới cùng C bồi thường số tiền 205.000.000 đồng thấy: Quá trình điều tra và xét xử, anh T4 thừa nhận giao dịch mua bán xe ô tô với C nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C bồi thường cho vợ chồng chị H, anh T4 số tiền 205.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của chị H yêu cầu Lê Mai M phải có trách nhiệm liên đới cùng Nguyễn Văn C bồi thường cho vợ chồng chị số tiền 205.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần kháng cáo của chị Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo Quách Thị Lệ Q tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Quách Thị Lệ Q (là Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thương mại Khánh H có chức năng cho thuê xe ô tô tự lái) cùng chồng là Nguyễn Mạnh T2 bàn bạc thuê xe ô tô tự lái đem cầm cố lấy tiền. Q nói với chị Nguyễn Thị N về việc Q có công ty và nói chị N hoặc các bạn của chị N có xe ô tô không có nhu cầu sử dụng thì cho Q thuê để Q cho thuê lại. Do tin tưởng chị Q trước đây có thời gian làm cùng công ty, trong thời gian từ ngày 22/11/2016 đến ngày 16/12/2016, vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Lê Bá L đã cho Q thuê 07 xe ô tô và anh Đỗ Trọng N1 cho Q thuê 01 xe ô tô, tổng giá trị 08 chiếc xe ô tô là 4.127.520.000 đồng gồm các xe ô tô có biển kiểm soát: 30A-881.94; 30E-637.13; 36N-1955; 30E-607.06; 30E-063.22; 30N-6862; 29A-71930; 30E-311.25. Sau khi thuê xe, Q đã giao 08 xe ô tô trên cho chồng là Nguyễn Mạnh T2 đi cầm cố lấy tiền rồi bỏ trốn. Hiện đã thu giữ lại được 03 xe ô tô biển kiểm soát: 30E-063.22; 30N-6862; 30A-881.94. Chị Nguyễn Thị N, anh Lê Bá L yêu cầu buộc Q phải trả lại 04 xe ô tô chưa thu hồi được, anh Đỗ Trọng N1 đã chuộc lại xe Kia Rio biển kiểm soát: 30E-637.13 hết 150.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo Q trả lại tiền chuộc xe cho bị cáo.

Khoảng tháng 7/2018, Nguyễn Văn C thỏa thuận mua xe ô tô biển kiểm soát: 30N-6862 của anh Lê Mai M với giá 346.000.000 đồng, có bản gốc đăng ký xe ô tô (mang tên Công ty CPĐTXD và TM Tiến V) và đăng kiểm xe ô tô. Sau đó, C bán lại xe ô tô nêu trên cho anh Đào Văn T4 (là chồng chị Lê Thị H) giá 392.000.000 đồng và C cam kết làm thủ tục sang tên xe ô tô cho chị H (là vợ anh T4). C đã thuê đối tượng tên C2 làm giả 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0041519 ngày 25/11/2010 có nội dung: Công ty CPĐTXD và TM Tiến V bán xe ô tô biển kiểm soát: 30N-6862 cho Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hoàng H với giá 93.500.000 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000499 ngày 24/7/2018 có nội dung: Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hoàng H bán xe ô tô cho chị Lê Thị H với giá 112.200.000 đồng. C đã sử dụng 02 hóa đơn này làm thủ tục đăng ký sang tên cho chị Lê Thị H và đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chị Lê Thị H ngày 22/8/2018, biển kiểm soát: 30F-321.82. Vợ chồng anh T4, chị H đề nghị xử lý C theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Quách Thị Lệ Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn C về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Quách Thị Lệ Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Quách Thị Lệ Q.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Lê Mai M về hành vi làm giả con dấu, tài liệu

của cơ quan, tổ chức; đề nghị M phải liên đới cùng C bồi thường cho vợ chồng chị và tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C thấy:

Công ty CPĐTXD và TM Tiến V là chủ sở hữu xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát: 30N-6862. Tháng 5/2016, Công ty CPĐTXD và TM Tiến V đã bán xe ô tô trên, nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho người mua theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, chiếc xe ô tô này được chuyển giao qua nhiều người và cho vợ chồng bị cáo Q thuê lại; vợ chồng Q, T2 đem cầm cố lấy tiền. Quá trình điều tra thể hiện: Anh Lê Mai M mua xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát: 30N-6862 của anh Trần Văn P, sau đó anh M bán lại cho Nguyễn Văn C. Nguyễn Văn C đã chuyển khoản tiền bán xe cho anh M và anh M đã giao xe và bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, đăng kiểm xe ô tô, bảo hiểm bắt buộc cho C. Nguyễn Văn C cũng có lời khai thể hiện C là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận bán xe với anh T4 (chồng chị H), nói với anh T4 là xe ô tô của C và cam kết chịu trách nhiệm làm thủ tục sang tên xe ô tô cho chị H (vợ anh T4). Tại bản kiểm điểm ngày 05/2/2021, Nguyễn Văn C thừa nhận mua xe ô tô của anh M và đã trả tiền mua xe cho anh M. Việc C làm thủ tục sang tên ô tô cho chị H là do C thực hiện, thuê đối tượng tên C2 làm 02 hóa đơn giá trị gia tăng giả để hợp thức hóa hồ sơ đăng ký sang tên xe ô tô cho chị H. Anh M và anh P không biết và không tham gia cùng C mua hóa đơn làm thủ tục hợp thức hóa việc sang tên xe ô tô cho chị H. Anh T4 cũng thừa nhận giao dịch, thỏa thuận mua bán xe trực tiếp với Nguyễn Văn C. Do đó, kháng cáo của chị H yêu cầu xem xét anh M đồng phạm với C về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là không có căn cứ. Như đã phân tích trên, anh C là người trực tiếp bán và nhận tiền mua bán xe của vợ chồng anh T4, chị H nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C trả cho vợ chồng anh T4, chị H giá trị xe ô tô còn lại (sau khi trừ đi số tiền đã nhận) theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của chị H yêu cầu anh M phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho vợ chồng chị là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của chị H đề nghị xem xét hình phạt của bị cáo C thấy: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự chị Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên chỉ được quyền kháng cáo phần dân sự liên quan đến quyền lợi của vợ chồng chị H, không có quyền kháng cáo xem xét về hình phạt của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do bị cáo Quách Thị Lê Q rút kháng cáo nên bị cáo Quách Thị Lê Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H kháng cáo không được chấp nhận nên chị Lê Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 342; Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Quách Thị Lệ Q. Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2021/HSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Quách Thị Lệ Q kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2021/HSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với phần kháng cáo liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả đối với xe Honda Civic BKS 30F-321.82 (trước là xe ô tô 30N-6862), cụ thể như sau: Bị cáo Quách Thị Lệ Q trả cho anh Nguyễn Tuấn A 205.000.000 đồng; anh Nguyễn Tuấn A trả cho anh Ngô Đắc Q1 205.000.000 đồng; anh Ngô Đắc Q1 trả cho anh Trần Văn P 205.000.000 đồng; anh Trần Văn P trả cho anh Lê Mai M 205.000.000 đồng; anh Lê Mai M trả cho Nguyễn Văn C 205.000.000 đồng; Nguyễn Văn C1 trả cho vợ chồng anh Đào Văn T1, chị Lê Thị H 205.000.000 đồng.

3- Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Quách Thị Lệ Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000207 ngày 21/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Công an tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- NLQ H (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

